

QUỸ ĐẦU TƯ

ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2023



NỘI DUNG BÁO CÁO

- I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ ETF IPAAM VN100
- II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100
- III. KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023
- IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024
- V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100
- VI. GIỚI THIỆU CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPA
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

I. THÔNG TIN QUỸ ĐẦU TƯ CHỦ ĐỘNG VND (VNDAF)



I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ ETF IPAAM VN100

Tên quỹ	Quỹ ETF IPAAM VN100
Chỉ số tham chiếu	VN100 Index
Mã niêm yết	FUEIP100
Loại hình quỹ	Quỹ hoán đổi danh mục
Mục tiêu đầu tư	Bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn.
Chiến lược đầu tư	<p>Quỹ ETF IPAAM VN100 áp dụng chiến lược đầu tư thụ động, tập trung mô phỏng tỷ suất sinh lời của chỉ số tham chiếu.</p> <p>Chiến lược đầu tư thụ động đặt niềm tin vào tăng trưởng dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, đầu tư và nắm giữ các cổ phiếu trong danh mục của chỉ số tham chiếu, hạn chế giao dịch mua/bán cổ phiếu hàng ngày.</p>
Ngày thành lập	14/09/2021
Công ty Quản lý quỹ	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A (IPAAM)
Ngân hàng giám sát	Vietcombank Hội sở
Đại lý phân phối	<ul style="list-style-type: none">- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VND)- Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC)

II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100



II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100

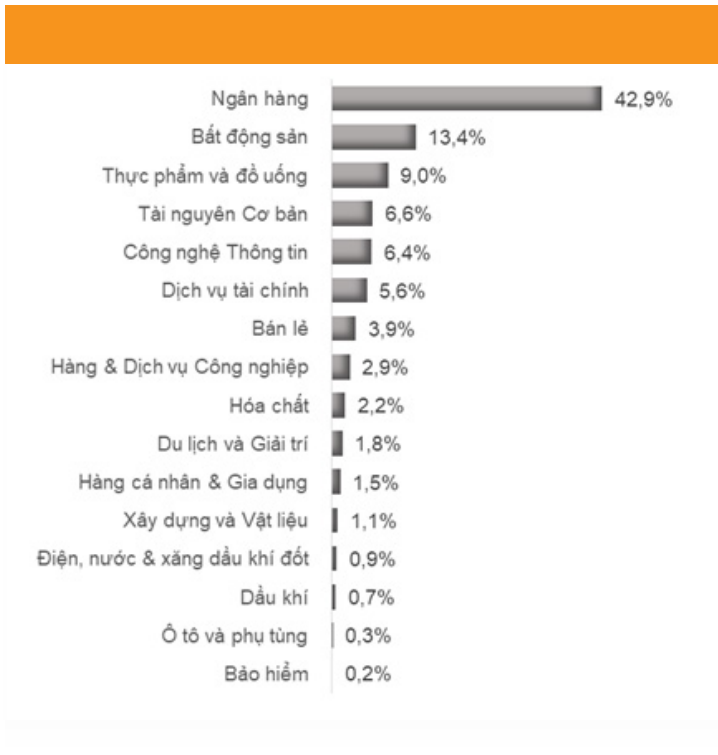
Hiệu quả đầu tư

	NAV/CCQ (đồng) 31/12/2023	Tăng trưởng		
		1 tháng	3 tháng	Từ ngày góp vốn
FUEIP100	8.245,87	4,24%	-1,17%	-17,54%
VN30		4,37%	-0,59%	-14,45%
VNINDEX		3,27%	-2,10%	-13,72%

Chỉ số cơ bản của Quỹ tại ngày 31/12/2023

	FUEIP100	VN100
Số lượng chứng khoán nắm giữ	69	100
Định giá danh mục		
P/E (x)	11,76	12,79
P/B (x)	1,57	1,72
ROE (%)	13,31	14,58
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (TE)	0,45%	

Cơ cấu danh mục theo ngành (%NAV) tại ngày 31/12/2023



Quỹ luôn bám sát chỉ số tham chiếu và VNIndex



Cơ cấu vốn hóa danh mục đầu tư tại ngày 31/12/2023

Phân loại	Tỷ trọng
Cổ phiếu vốn hóa lớn - VN30	72,5%
Cổ phiếu vốn hóa trung bình VN MIDCAP	27,5%

III. KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023



III. KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023

Vượt qua nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam ghi nhận một số điểm sáng trong năm 2023

GDP của Việt Nam tăng 6,72% svck trong Q4/23 (so với +5,92% trong Q4/22), nâng mức tăng trưởng cả năm 2023 lên 5,05%. Đây là mức tăng trưởng thấp thứ ba trong giai đoạn từ 2011-2023, (chỉ cao hơn năm 2020 và 2021) do ảnh hưởng của sự sụt giảm đơn đặt hàng xuất khẩu, nền lãi suất cho vay cao trong 6T năm 2023, sự suy giảm niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp và sự trì trệ của thị trường bất động sản. Ngành công nghiệp & xây dựng phản ánh rõ nhất những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023 với tốc độ tăng trưởng cả năm chỉ 3,74%, mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2023. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là điểm sáng của nền kinh tế, đạt mức tăng trưởng cao nhất 5 năm là +3,83% svck trong năm 2023. Đà tăng trưởng mạnh mẽ được thúc đẩy bởi (1) Xuất khẩu một số nông sản lập kỷ lục mới, nổi bật là gạo (+38% svck) và rau quả (+69% svck); (2) Việc ứng dụng công nghệ cao giúp nâng cao năng suất trong trồng trọt, chăn nuôi.

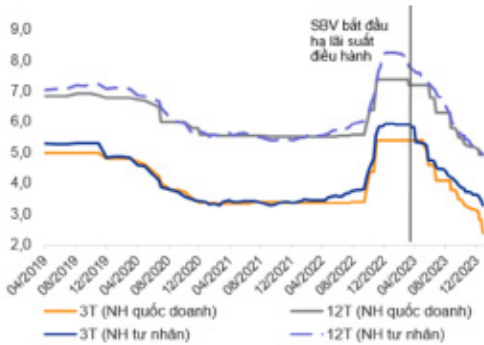


Năm 2023, giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt 354,7 tỷ USD (-4,6% svck) trong khi nhập khẩu của Việt Nam giảm xuống 326,4 tỷ USD (-9,2% svck). Điều này dẫn đến cán cân thương mại đạt thặng dư 28,3 tỷ USD trong năm 2023, gấp 2,3 lần cùng kỳ năm ngoái. Thặng dư thương mại cao là yếu tố hỗ trợ tăng trưởng GDP và sự ổn định của Việt Nam đồng trong năm 2023. Vốn đầu tư tư nhân chỉ tăng 3,6% svck trong Q4/23, mức cải thiện nhẹ so với tốc độ tăng trưởng của ba quý đầu năm 2023. Vốn đầu tư công thực hiện năm 2023 tăng 21,2% svck lên 623,5 nghìn tỷ đồng (17,0 tỷ USD), so với mức tăng 19,9% svck của năm 2022. Vốn đầu tư công thực hiện năm 2023 ước đạt 85% kế hoạch cả năm, thấp hơn một chút so với mức hoàn thành 86% vào năm ngoái.

Dòng vốn FDI khởi sắc trong Q4/23 giúp thu hút vốn FDI đăng ký đạt 36,6 tỷ USD (+32,1% svck) trong năm 2023, là mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm gần đây. Cùng với đó, vốn FDI giải ngân đạt mức kỷ lục mới là 23,1 tỷ USD (+3,5% svck). Với lợi thế cạnh tranh là quốc gia có trữ lượng đất hiếm lớn thứ hai thế giới, cùng với chuyến thăm Việt Nam gần đây của CEO NVIDIA để tìm kiếm sự hợp tác trong lĩnh vực bán dẫn, Việt Nam có thể nổi lên trong tương lai trở thành một trung tâm trong khu vực về lĩnh vực bán dẫn. Điều này sẽ củng cố triển vọng thu hút vốn FDI của Việt Nam trong trung và dài hạn. Năm 2023, Việt Nam thu hút nhiều dự án FDI lớn vào lĩnh vực sản xuất như dự án Tổ hợp công nghệ pin quang điện Jinko Solar Hải Hà với quy mô 1,5 tỷ USD và dự án Mở rộng nhà máy LG Innotek tại Hải Phòng (1,0 tỷ USD). Điều này cho thấy Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn trong xu hướng dịch chuyển chuỗi giá trị của ngành sản xuất điện tử toàn cầu.

III. KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023

Lãi suất huy động đã giảm xuống dưới mức đáy trong thời kỳ Covid-19



Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã cải thiện nhẹ trong năm 2023



Sau các đợt cắt giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), mặt bằng lãi suất thị trường đã giảm mạnh. Lãi suất huy động thậm chí đã giảm xuống dưới mức đáy thời kỳ Covid-19 (2021-6T22). Trong khi đó, lãi suất cho vay hiện tại cũng đã giảm khoảng 2-3 điểm % so với cuối năm 2022. Lạm phát toàn phần tăng 3,58% svck trong T12/23 trong khi CPI bình quân năm 2023 ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Chính phủ đề ra là kiểm soát CPI bình quân dưới 4,5%. Áp lực lạm phát năm 2023 chủ yếu đến từ (1) điều chỉnh giá dịch vụ công theo lộ trình của Chính phủ (học phí, giá dịch vụ y tế, giá điện), (2) giá thực phẩm trong nước tăng theo đà tăng giá gạo xuất khẩu và (3) giá thuê nhà ở và giá vật liệu xây dựng như cát, xi măng tăng.

Biến động tỷ giá trong năm 2023 nhìn chung ổn định hơn so với năm 2022. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã cải thiện nhẹ trong năm 2023. Thành tựu của kinh tế Việt Nam cũng được các tổ chức quốc tế ghi nhận khi Fitch nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam lên "BB+" với triển vọng "Ổn định".

Thị trường chứng khoán 2023 khép lại một năm tăng trưởng nhưng nhiều biến động cả trong nước và trên trường quốc tế

Hiệu suất trên các thị trường chứng khoán thế giới có sự phân hóa lớn. Tính chung cả năm 2023, trước những biến số khó lường ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô, VN-INDEX ghi nhận hiệu suất đầu tư 12,2%, cao hơn đáng kể so với các thị trường chứng khoán khác trong khu vực Đông Nam Á.

Đà bán ròng của khối ngoại là nốt trầm trong năm 2023. Tổng giá trị bán ròng 2023 của khối ngoại đạt 22,9 nghìn tỷ đồng trên 3 sàn giao dịch. Một trong những lý do thúc đẩy hoạt động bán ròng mạnh mẽ của nhà đầu tư nước ngoài là việc tái cơ cấu danh mục đầu tư. Diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán ở những nước phát triển có thể khiến nhà đầu tư nước ngoài rút tiền khỏi các thị trường có rủi ro cao như thị trường cận biên hoặc mới nổi.

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) hồi phục dần sau những nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho thị trường. Trong năm 2023 có hơn 320 đợt phát hành TPDN thành công với tổng giá trị phát hành đạt hơn 312,7 nghìn tỷ đồng, tăng 17% svck. Kể từ cuối Q1/23, thời điểm Nghị định 08 về việc sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch TPDN riêng lẻ tại thị trường nước và chào bán TPDN ra thị trường quốc tế được ban hành, hoạt động phát hành TPDN đã chứng kiến sự phục hồi. Tổng giá trị TPDN riêng lẻ đáo hạn trong năm 2023 là hơn 216 nghìn tỷ đồng, tăng gần 100% svck, trong đó gần 40% là nhóm Bất động sản. Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh còn nhiều khó khăn, dòng tiền eo hẹp, nhiều Tổ chức phát hành đã thực hiện phương án đàm phán để gia hạn kỳ hạn trái phiếu với trái chủ.

IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

Kinh tế Việt Nam hướng tới phục hồi mạnh mẽ hơn vào năm 2024 gia tăng.

Chính sách tài khóa mở rộng và nền lãi suất trong nước giảm là hai yếu tố chính thúc đẩy sự phục hồi kinh tế của Việt Nam từ cuối năm 2023. Các yếu tố hỗ trợ chính bao gồm: (1) Hoạt động sản xuất và xuất khẩu phục hồi mạnh mẽ hơn, (2) Nhu cầu tiêu dùng trong nước cải thiện, (3) Sự hồi phục của đầu tư tư nhân và (4) Sự ấm dần lên của thị trường bất động sản.

Việt Nam vẫn có những yếu tố giúp hỗ trợ kiểm soát lạm phát năm 2024: (1) Lạm phát toàn cầu giảm và tỷ giá VNĐ ổn định hơn trong năm 2024 giúp giảm bớt áp lực nhập khẩu lạm phát, (2) Chi phí đầu vào kinh doanh năm 2024 giảm (giá nhập khẩu giảm, lãi suất cho vay giảm) và (3) Hỗ trợ từ việc cắt giảm thuế của Chính phủ.

NHNN được kỳ vọng sẽ duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ phục hồi kinh tế. Lãi suất huy động khả năng cao sẽ duy trì ở mức thấp trong suốt năm 2024 do NHNN đặt mục tiêu duy trì môi trường lãi suất thấp để hỗ trợ phục hồi kinh tế. Thêm vào đó, lạm phát được kiểm soát trong năm 2024 tạo điều kiện thuận lợi để duy trì môi trường lãi suất thấp.

Tỷ giá được duy trì ổn định nhờ (1) Thặng dư thương mại cải thiện rõ rệt trong năm 2023 và các cán cân này sẽ duy trì ở mức cao trong năm 2024 và (2) Dự trữ ngoại hối của Việt Nam được cải thiện.

Thị trường chứng khoán có dư địa tăng trưởng nhờ định giá hấp dẫn

Mặc dù VN-Index đã ghi nhận đà tăng 12.2% trong năm 2023, định giá thị trường vẫn đang tương đối hấp dẫn với những luận điểm sau: (1) P/E đang được giao dịch thấp hơn 7,3% so với trung bình 5 năm; (2) EPS dự kiến tăng trưởng dương trong năm 2024, giúp định giá thêm hấp dẫn.

P/E 2024 của VN-INDEX ở mức 11,8x dựa trên kịch bản tăng trưởng lợi nhuận tích cực 18% trong năm 2024. Định giá VN-Index đang ở mức tương đối hấp dẫn so với các thị trường mới nổi. P/E 2023 đang giao dịch chiết khấu 9,7% so với trung bình các thị trường mới nổi (MSCI EM), trong khi P/B đạt mức 1,6x là tương đương với trung bình (MSCI EM).

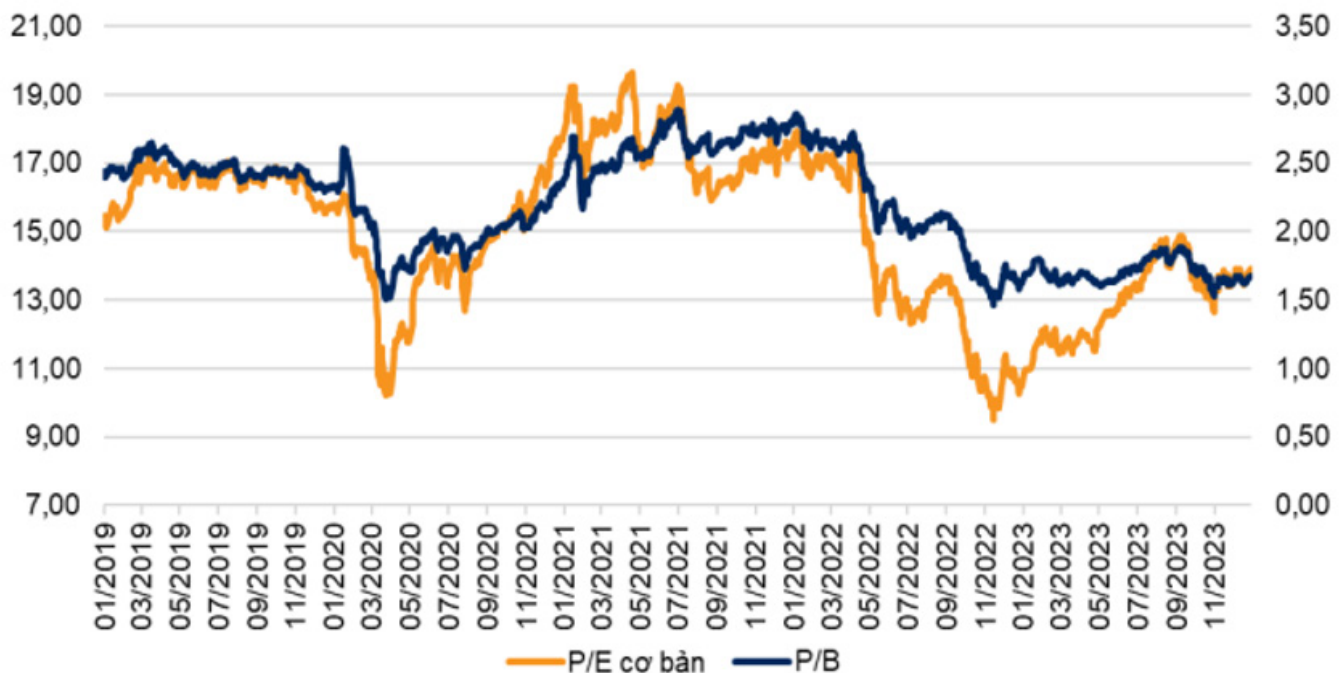
Thêm vào đó, Chênh lệch giữa E/P và lãi suất đang ở mức cao so với quá khứ, cho thấy thị trường chứng khoán đang hấp dẫn hơn tương đối so với kênh gửi tiết kiệm. E/P của VN-Index là 7,2% (tại ngày 31/12/2023) trong khi lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng bình quân hiện nay chưa đến 5,0%/năm.

IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

Định giá của VN-Index còn tương đối hấp dẫn so với các thị trường mới nổi

	P/E quá khứ	P/B quá khứ	P/E quá khứ so với trung bình 5 năm	P/B quá khứ so với trung bình 5 năm
Hàn Quốc	18,5	0,9	1,2x	1,0x
Thổ Nhĩ Kỳ	5,8	1,8	0,7x	1,4x
Việt Nam	13,9	1,7	0,9x	0,8x
Ai Cập	11,9	2,6	1,2x	1,5x
Nhật Bản	27,5	1,9	1,1x	1,0x
Trung Quốc	13,7	1,3	0,9x	0,9x
Indonesia	17,4	2,0	0,8x	1,0x
Đài Loan	21,9	2,1	1,3x	1,1x
Ấn Độ	27,9	3,5	1,0x	1,1x
MSCI	15,4	1,6	1,0x	1,0x
Thái Lan	19,4	1,4	0,9x	0,8x
Phillipines	12,5	1,5	0,7x	0,9x
S&P 500	22,9	4,5	1,0x	1,1x
Singapore	11,6	1,1	0,7x	1,0x

Diễn biến định giá của VN-Index trong giai đoạn 2018 - 2023



(Nguồn: Bloomberg và VNDIRECT)

V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100



V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100

Ban đại diện quỹ gồm 03 (ba) thành viên độc lập như sau:

- Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thành viên độc lập, Chủ tịch Ban Đại diện quỹ
- Bà Phí Thị Thùy Dung – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ
- Bà Hoàng Thị Minh Phương – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ

Trong năm 2023, Ban đại diện Quỹ đã họp và ban hành các nghị quyết sau:

Nghị quyết số 03/2022/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 03/03/2023 phê duyệt:

- Thông qua việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023.

Nghị quyết số 02/2023/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 29/06/2023 phê duyệt:

- Thông qua việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Quỹ năm 2023.
- Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để ký Hợp đồng với Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

VI. GIỚI THIỆU CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM



VI. GIỚI THIỆU CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM

THÔNG TIN CHUNG

Ra đời từ năm 2008, IPAAM là một trong những công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam. Hiện tại, IPAAM là thành viên của CTCP Tập đoàn đầu tư I.P.A, tập đoàn đầu tư đa ngành với các lĩnh vực cốt lõi gồm Dịch vụ tài chính đầu tư (với hai thành viên chính là Công ty chứng khoán VNDIRECT và IPAAM), Bất động sản và Năng lượng.

IPAAM có vốn điều lệ 100 tỷ đồng, quản lý các sản phẩm đầu tư đa dạng gồm Quỹ mở cổ phiếu, Quỹ mở trái phiếu, Quỹ ETF và các danh mục đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm tài chính của Tập đoàn I.P.A.

GIÁ TRỊ CỦA CHÚNG TÔI

Công nghệ: trong hệ sinh thái của Tập đoàn đầu tư I.P.A, IPAAM và VNDIRECT là hai công ty thành viên có nền tảng công nghệ mạnh, đi đầu thị trường. Chúng tôi sở hữu nền tảng quản lý tài sản giúp nhà đầu tư giao dịch các loại tài sản đầu tư bao gồm chứng chỉ quỹ trực tuyến thuận lợi, an toàn và nhanh chóng.

Con người: IPAAM sở hữu đội ngũ chuyên gia quản lý đầu tư chuyên nghiệp, chính trực, tận tâm. Từng cá nhân đều có kinh nghiệm chuyên sâu trong quản lý tài sản với nhiều năm làm việc tại các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế. Chúng tôi luôn đặt nguyên tắc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp là yếu tố quan trọng hàng đầu khi xây dựng hệ thống đánh giá tuân thủ và kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo sự minh bạch và chất lượng trong các sản phẩm dịch vụ cung cấp cấp tới các nhà đầu tư. Với tổng cộng hơn 80 năm kinh nghiệm quản lý đầu tư của đội ngũ, chúng tôi tự tin mang tới các sản phẩm dịch vụ quản lý đầu tư chuyên nghiệp hiệu quả cho các nhà đầu tư.

Chuỗi giá trị: Nằm trong chuỗi giá trị của hệ sinh thái Tập đoàn đầu tư I.P.A và VNDIRECT, IPAAM thừa hưởng mạng lưới khách hàng đa dạng, xây dựng được mối quan hệ vững chắc và sự am hiểu về hoạt động của các công ty đầu tư tiềm năng, từ đó không chỉ đánh giá chọn lọc đầu tư hiệu quả mà còn kết nối các cơ hội đầu tư, các đối tác chiến lược và nhà đầu tư.

TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

Trở thành công ty quản lý quỹ tin cậy nhất cho nhà đầu tư lựa chọn khi hướng tới mục đích an tâm đầu tư

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

1. BÁO CÁO THU NHẬP

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	7.707.801.210	(22.571.263.818)
2	1.1. Cổ tức được chia	774.022.800	555.730.449
3	1.2. Tiền lãi được nhận	662.220	756.613
4	1.3. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	(2.228.087.609)	(849.569.600)
5	1.4. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	9.161.203.799	(22.278.181.280)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10.525.766	20.641.948
11	2.1. Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	10.525.766	20.641.948
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF	1.143.943.329	1.183.093.769
20.1	3.1. Phí quản lý quỹ ETF	269.601.278	311.888.254
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	247.601.074	249.261.322
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát	66.000.000	66.000.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF	198.000.000	198.000.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000	66.000.003
20.6	3.6. Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	99.999.890	99.999.890
20.8	3.7. Chi phí kiểm toán	70.200.000	64.900.000
20.11	3.8. Chi phí hoạt động khác	126.541.087	127.044.300
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	6.553.332.115	(23.774.999.535)
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	6.553.332.115	(23.774.999.535)
31	5.1. Lợi nhuận đã thực hiện	(2.607.871.684)	(1.496.818.255)
32	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	9.161.203.799	(22.278.181.28)
41	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ	6.553.332.115	(23.774.999.535)

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

2. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	240.742.647	212.713.474
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	240.742.647	212.713.474
120	2. Các khoản đầu tư thuần	47.008.962.000	40.431.549.970
121	2.1. Các khoản đầu tư	47.008.962.000	40.431.549.970
130	3. Các khoản phải thu	33.082.000	68.493.000
133	3.2. Phải thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	33.082.000	68.493.000
136	3.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	33.082.000	68.493.000
137	3.2. Phải thu khác	-	-
100	TỔNG TÀI SẢN	47.282.786.647	40.712.756.444
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		
314	1. Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.800.000	1.800.000
316	2. Chi phí phải trả	59.400.000	62.200.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	219.922.961	200.424.873
320	4. Phải trả, phải nộp khác	200.000	200.000
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	281.322.961	264.624.873
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF	47.001.463.686	40.448.131.571
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	57.000.000.000	57.000.000.000
412	1.1. Vốn góp phát hành	57.000.000.000	57.000.000.000
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	423.301.296	423.301.296
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	(10.421.837.610)	(16.975.169.725)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF/1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	8.245,87	7.096,16
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
004	Số lượng Chứng chỉ Quỹ ETF đang lưu hành	5.700.000	5.700.000

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

3. BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF (NAV) đầu kỳ	40.448.131.571	63.167.132.486
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	6.553.332.115	(23.774.999.535)
II.1	Trong đó: Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	6.553.332.115	(23.774.999.535)
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ ETF	-	1.055.998.620
III.1	Trong đó: Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ	-	1.055.998.620
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF cuối năm	47.001.463.686	40.448.131.571

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

4. BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG	GIÁ THỊ TRƯỜNG TẠI NGÀY 31/12 /2023	TỔNG GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %/TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT					
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	ACB	102.493	23.900	2.449.582.700	5,18%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	BCG	12.500	8.820	110.250.000	0,23%
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	6.697	43.400	290.649.800	0,61%
4	Tập đoàn Bảo Việt	BVH	2.300	39.500	90.850.000	0,19%
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	CTG	23.577	27.100	638.936.700	1,35%
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	DBC	4.735	27.400	129.739.000	0,27%
7	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	4.000	32.400	129.600.000	0,27%
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	DGC	6.944	94.400	655.513.600	1,39%
9	Công ty Cổ phần Thế giới số	DGW	2.700	52.300	141.210.000	0,30%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	DIG	14.374	26.750	384.504.500	0,81%
11	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	DPM	5.000	33.300	166.500.000	0,35%
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	14.500	19.350	280.575.000	0,59%
13	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	EIB	45.952	18.350	843.219.200	1,78%
14	Công ty Cổ phần FPT	FPT	31.701	96.100	3.046.466.100	6,44%
15	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	2.185	107.000	233.795.000	0,49%
16	Công ty Cổ phần khí Việt Nam	GAS	3.600	75.500	271.800.000	0,57%
17	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	GEX	17.585	23.600	415.006.000	0,88%
18	Công ty Cổ phần Gemadept	GMD	8.000	70.500	564.000.000	1,19%
19	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR	4.700	21.200	99.640.000	0,21%
20	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HAG	19.000	13.200	250.800.000	0,53%
21	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh	HCM	6.600	34.200	225.720.000	0,48%
22	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	HDB	59.358	20.300	1.204.967.400	2,55%
23	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HDG	4.275	27.600	117.990.000	0,25%
24	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HHV	9.678	15.450	149.525.100	0,32%
25	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	93.860	27.950	2.623.387.000	5,55%
26	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HSG	15.553	22.800	354.608.400	0,75%
27	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC	16.966	31.750	538.670.500	1,14%
28	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	KDC	4.330	63.000	272.790.000	0,58%

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG	GIÁ THỊ TRƯỜNG TẠI NGÀY 31/12 /2023	TỔNG GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %/TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (tiếp theo)					
29	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH	15.011	31.400	471.345.400	1,00%
30	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	LPB	67.598	15.750	1.064.668.500	2,25%
31	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	MBB	84.146	18.650	1.569.322.900	3,32%
32	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	MSB	49.980	13.000	649.740.000	1,37%
33	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN	19.040	67.000	1.275.680.000	2,70%
34	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	34.300	42.800	1.468.040.000	3,10%
35	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	5.940	24.650	146.421.000	0,31%
36	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	7.578	36.650	277.733.700	0,59%
37	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	OCB	33.150	13.300	440.895.000	0,93%
38	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	PAN	4.200	20.200	84.840.000	0,18%
39	Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1	PC1	5.237	28.800	150.825.600	0,32%
40	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	10.032	27.850	279.391.200	0,59%
41	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX	3.800	34.500	131.100.000	0,28%
42	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	8.000	86.000	688.000.000	1,46%
43	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	POW	13.700	11.250	154.125.000	0,33%
44	Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	PVD	7.312	28.300	206.929.600	0,44%
45	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	4.700	26.400	124.080.000	0,26%
46	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	REE	4.974	56.800	282.523.200	0,60%
47	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	4.100	63.000	258.300.000	0,55%
48	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	SBT	9.904	13.200	130.732.800	0,28%
49	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	SHB	84.863	10.800	916.520.400	1,94%
50	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	SSB	39.680	23.900	948.352.000	2,01%
51	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	30.800	32.800	1.010.240.000	2,14%

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ CỔ PHIẾU	SỐ LƯỢNG	GIÁ THỊ TRƯỜNG TẠI NGÀY 31/12 /2023	TỔNG GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %/TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA QUỸ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (tiếp theo)					
52	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	STB	55.300	27.950	1.545.635.000	3,27%
53	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	67.000	31.800	2.130.600.000	4,51%
54	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH	10.808	13.200	142.665.600	0,30%
55	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	TPB	38.758	17.400	674.389.200	1,43%
56	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	17.983	80.300	1.444.034.900	3,05%
57	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	VCG	7.967	24.700	196.784.900	0,42%
58	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	VCI	9.230	42.750	394.582.500	0,83%
59	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	2.600	74.400	193.440.000	0,41%
60	Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	38.300	43.200	1.654.560.000	3,50%
61	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	40.856	19.600	800.777.600	1,69%
62	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	VIC	33.600	44.600	1.498.560.000	3,17%
63	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	VIX	18.700	17.100	319.770.000	0,68%
64	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	VJC	8.000	108.000	864.000.000	1,83%
65	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VND	26.800	22.250	596.300.000	1,26%
66	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	24.500	67.600	1.656.200.000	3,50%
67	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	138.497	19.200	2.659.142.400	5,62%
68	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - INVEST	VPI	3.410	55.000	187.550.000	0,40%
69	Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	26.700	23.300	622.110.000	1,31%
	Tổng		1.660.217		46.991.204.400	99,38%
II	CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC					
1	Quyền mua chứng khoán MIRDYG231		14.500	1.225	17.757.600	0,04%
	Tổng		14.500		17.757.600	0,04%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC					
1	Cổ tức được nhận				33.082.000	0,07%
	Tổng				33.082.000	0,07%
III	TIỀN					
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF				240.742.647	0,51%
	Tổng				240.742.647	0,51%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC				47.282.786.647	100%

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2023

5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1	(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	6.553.332.115	(23.774.999.535)
	Điều chỉnh lỗ/(lợi nhuận) do việc mua hệ chứng khoán hạn chế	-	-
2	Điều chỉnh cho các khoản tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	(9.091.003.799)	23.774.999.535
3	Lỗ/(lãi) chưa thực hiện	(9.161.203.799)	22.278.181.280
4	Chi phí trích trước	70.200.000	64.900.000
5	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	(2.537.671.684)	(1.431.918.255)
6	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư	2.583.791.769	1.291.798.600
7	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư	35.411.000	(21.143.000)
13	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	(340.000)
16	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	(73.000.000)	(54.960.000)
17	Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	19.498.088	90.259.428
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư	28.029.173	(126.303.227)
21	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ	-	5.055.620
30	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	-	5.055.620
40	III. (Giảm)/Tăng tiền thuần trong kỳ	28.029.173	(121.047.607)
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	212.713.474	333.761.081
51	- Tiền gửi ngân hàng đầu năm	212.713.474	333.761.081
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF	212.713.474	333.760.934
53	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư	-	147
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	240.742.647	212.713.474
56	- Tiền gửi ngân hàng cuối năm	240.742.647	212.713.474
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF	240.742.647	212.713.474
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư	-	-
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm	28.029.173	121.047.607